

Số: /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình
Dự án: Hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 492/QĐ-TTg ngày 15/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 3899/QĐ-BNN-XD ngày 29/9/2017 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; số 3776/QĐ-BNN-XD ngày 27/9/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số nội dung thiết kế cơ sở và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán Cụm công trình đầu mối; số 3913/QĐ-BNN-XD ngày 08/10/2018 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế cơ sở, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công Đường thi công kết hợp quản lý số 2, hệ thống điện thi công; số 3775/QĐ-BNN-XD ngày 01/10/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế cơ sở; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán hạng mục Đường thi công kết hợp quản lý số 1A; số 2013/QĐ-BNN-XD ngày 07/6/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện các dự án vốn ngân sách Trung ương sang năm 2022; số 4838/QĐ-BNN-TCCB ngày 27/11/2020 về việc Hợp nhất Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 6 với Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7; số 2137/QĐ-BNN-XD ngày 18/5/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung thiết kế cơ sở và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục Hoàn trả tuyến đường từ Nghĩa trang liệt sỹ An Hòa đến công trình hồ chứa nước Đồng Mít; số 2939/QĐ-BNN-TC ngày 02/8/2022 về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hạng mục Hoàn trả tuyến đường từ nghĩa trang liệt sỹ An Hòa đến công trình Hồ chứa

nước Đồng Mít (phần do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý, đầu tư) và các Quyết định, văn bản liên quan khác trong quá trình thực hiện dự án Hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định;

Căn cứ các Quyết định, văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định: Số 3165/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành Hạng mục hoàn trả tuyến đường từ Nghĩa trạng liệt sĩ An Hòa đến công trình Hồ chứa nước Đồng Mít; số 2810/QĐ-UBND ngày 29/07/2023 về việc phê duyệt quyết toán tổng thể dự án hoàn thành; số 80/BC-UBND ngày 16/5/2023 về việc phân tách vốn đầu tư công trình thủy lợi, thủy điện thuộc hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; dự án Hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 601/QĐ-BQL ngày 15/10/2024 của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7 về việc phê duyệt phân tách vốn giữa Thủy lợi và Thủy điện và các Quyết định liên quan khác trong quá trình thực hiện dự án Hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định;

Xét các Tờ trình và văn bản số 606/TTr-BQL ngày 16/10/2024, số 665/BQL - TĐ ngày 07/11/2024 của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7, số 346/BQL-TCKT ngày 11/7/2024 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định về việc trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình, dự án Hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình tại Báo cáo thẩm định số 1564/BC-XD-TĐ ngày 12/11/2024 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại các Quyết định số 3899/QĐ-BNN-XD ngày 29/9/2017 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; số 3776/QĐ-BNN-XD ngày 27/9/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số nội dung thiết kế cơ sở và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán Cụm công trình đầu mối; số 3913/QĐ-BNN-XD ngày 08/10/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế cơ sở, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán xây dựng công trình hạng mục đường thi công kết hợp quản lý số 2 và hệ thống điện thi công kết hợp quản lý vận hành và số 3775/QĐ-BNN-XD ngày 01/10/2019 về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế cơ sở và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán hạng mục Đường thi công kết hợp quản lý số 1 A, dự án Hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định với nội dung như sau:

1. Khoản 6 Điều 1 Quyết định số 3899/QĐ-BNN-XD (Quy mô đầu tư)

Xây dựng hồ chứa nước dung tích toàn bộ $W_{tb}=89,84$ triệu m^3 ; đập chính ngăn sông là đập bê tông đầm lăn dài $L=378,0m$; đập phụ là đập đất đồng chất dài $110m$; tràn xả lũ có cửa, lưu lượng xả lũ ứng với tần suất thiết kế $Q_{p=0,5\%} = 4.609m^3/s$; cống lấy nước kết cấu bê tông cốt thép, lưu lượng $Q_{TK}=22,67 m^3/s$; cống xả cạn kết cấu bê tông cốt thép.

2. Khoản 11 Điều 1 Quyết định số 3899/QĐ-BNN-XD; Điều 1 Quyết định số 3776/QĐ-BNN-XD; khoản 10 Điều 1 Quyết định số 3913/QĐ-BNN-XD, khoản 10 Điều 1 Quyết định số 3775/QĐ-BNN-XD (thiết kế cơ sở)

a) Đập chính

- Điều chỉnh chiều rộng mặt đập từ $B=9,0\text{m}$ thành $B=9,6\text{m}$;

- Bổ sung công tác xử lý nền đoạn 3, 4, 5, 6 vai trái đập chính với chiều dài xử lý $L=79\text{m}$: Đào xử lý nền yếu đến đá phong hóa nhẹ lớp 8, cao trình đáy móng thấp nhất sau khi xử lý là $+36,4\text{m}$; đổ bù bằng bê tông thường M20(28)-B4 tạo mặt phẳng đến cao trình trung bình $+45,0\text{m}$, phần còn lại phía trên sử dụng bê tông đầm lăn (RCC). Điều chỉnh, bổ sung: (i) cao trình đáy và chiều dài hành lang; (ii) độ sâu khoan tiêu nước thân đập, khoan phụt chống thấm, gia cố nền phù hợp với cao trình xử lý nền.

- Chống thấm mặt đập thượng lưu: Phạm vi xung quanh khe nối, mỗi bên rộng $0,5\text{m}$ đến cao trình $+102,50\text{m}$, sử dụng vật liệu chống thấm kết tinh.

- Điều chỉnh, bổ sung gia cố thượng hạ lưu đập chính:

+ Thượng lưu: (i) Vai trái, gia cố mặt ngoài một phần phạm vi mái đất đắp sát đập từ cao trình $+69,0\div+105\text{m}$ bằng BT M20 và đất lát khan; (ii) vai phải: gia cố tường chắn đất BTCT M25 phạm vi khu vực đoạn đập số 1 với chiều dài $L=21\text{m}$;

+ Hạ lưu: Gia cố mái đào từ cao trình $+69\text{m}$ trở lên bằng Neoweb;

+ Phạm vi mặt bằng tại các cao trình $+69,0\text{m}$, $+105,0\text{m}$ gia cố BT M20;

b) Đập phụ: Điều chỉnh chiều dài đập từ $126,0\text{m}$ thành $110,0\text{m}$ và chiều cao đập lớn nhất từ $13,80\text{m}$ thành $14,20\text{m}$;

c) Tràn xả lũ:

- Điều chỉnh hạng mục hồ xói nằm cách tim tràn $130,54\text{m}$ về phía hạ lưu; hồ xói chính có cao trình đáy $+38,70\text{m}$, kích thước $B\times H=18\times 52,6\text{m}$; hồ xói thứ cấp có cao trình đáy $+45,0\text{m}$, kích thước $B\times H=40\times 25\text{m}$.

- Bổ sung gia cố hạ lưu tràn xả lũ:

+ Bờ phải: Đào bạt mái giảm tải và tạo cơ $B=3\text{m}$ tại các cao trình $+50,90\text{m}$ và $+56,90\text{m}$; phạm vi cao trình $+50,90\div+56,90\text{m}$ gia cố bằng rọ đá bọc PVC kích thước $(2\times 1\times 1)\text{m}$; phạm vi nối tiếp hạ lưu với chiều dài $L=12\text{m}$ từ cao trình $+50,90\div+64,0\text{m}$ gia cố bằng thảm đá kích thước $(6\times 2\times 0,5)\text{m}$.

+ Bờ trái: Phạm vi giáp tường biên, tường gia cố hạ lưu điều chỉnh từ gia cố bằng BT, BTCT M20 thành rọ đá bọc PVC kích thước $(2\times 1\times 1)\text{m}$.

d) Thiết bị cơ khí

- Cổng lấy nước: (i) Điều chỉnh kích thước thông thủy cửa van sửa chữa, sự cố và cửa van vận hành từ $(B\times H)=4,0\times 4,0\text{m}$ thành $(B\times H)=3,5\times 3,5\text{m}$; (ii) Đóng mở cửa van vận hành cổng bằng xi lanh thủy lực sức nâng 150 tấn ;

- Cổng xả cạn: Nâng hạ cửa van bằng pa lăng điện với sức nâng 25 tấn ;

- Tràn xả lũ: Đóng mở cửa van cung bằng hệ thống xi lanh thủy lực, sức nâng của mỗi xi lanh là 180 tấn .

đ) Hệ thống quan trắc: 09 thiết bị quan trắc áp lực thấm nền đập (03 mặt cắt quan trắc); 05 thiết bị quan trắc mực nước thượng hạ lưu (quan trắc tự động: 02 thiết bị, quan trắc thủ công: 03 thiết bị); 6 bộ/12 thiết bị quan trắc ứng suất trong

bê tông; 25 thiết bị quan trắc nhiệt độ bê tông (02 tuyến quan trắc); 05 thiết bị quan trắc ứng suất móng đập; 06 thiết bị quan trắc ứng suất cốt thép tràn; 10 bộ chống sét, 04 bộ dồn kênh Multiplexer, 02 hệ thống thu thập và truyền số liệu.

e) Hệ thống điện

- Bổ sung hạng mục cải tạo nâng cấp lưới điện XT 471E Hoài Nhơn -22 KV để phục vụ thi công, bao gồm:

+ Đoạn từ C195 Phân đoạn An Lão đến C265/2 TBA Bơm Cây Duối: Chiều dài 5.500m, cáp nhôm bọc lõi thép XLPE 12,7kV As-150mm² (thay thế dây dẫn AC-95mm² cũ);

+ Đoạn từ C355 Nhánh rẽ An Trung đến C452 TBA An Trung: Chiều dài 6.225m, dây nhôm trần lõi thép As-95mm² (thay thế dây dẫn AC-95mm² cũ);

- Bổ sung 02 trạm biến áp TC4 760 kVA và trạm biến áp TC5 2x630 kVA phục vụ thi công cụm đầu mối.

f) Công trình phục vụ thi công

- Đường thi công kết hợp quản lý số 01A: Mở rộng mặt đường đoạn K0 ÷ K0+100 từ B_m=3,5m thành B_m=5,5m; kết cấu mặt BT M300 dày 20cm;

- Đường thi công kết hợp quản lý số 02: Điều chỉnh chiều dài tuyến đường từ L=787,7 m thành L=653,3m;

- Đường thi công

+ Điều chỉnh quy mô đường số 2A: Chiều dài L=139,94 m, mặt đường rộng B_m= 4,0m; nền đường rộng B_n=5,5m, kết cấu cuội sỏi lòng sông dày 20 cm;

+ Bổ sung tuyến 2D (Nhánh 1,2,3), điều chỉnh quy mô các tuyến số 3A, số 3, không xây dựng các tuyến số 2B, 2C: Tổng chiều dài L=1.777,9m; mặt đường rộng B_{mặt}= 4,0m; nền đường rộng B_{nền}=5,5m; kết cấu cuội sỏi lòng sông dày 20cm. Xây dựng 02 ngầm tạm qua sông An Lão và kênh dẫn dòng kết cấu ống buy ly tâm D1500.

- Vật liệu xây dựng: Cát dùng cho bê tông đầm lăn đập chính được nghiền từ mỏ đá MĐ7; đá dăm dùng cho đập chính được nghiền từ mỏ đá MĐ7 và đá tận dụng từ đào móng công trình; cát và đá dăm sử dụng cho các hạng mục, công việc còn lại được mua trên thị trường .

g) Công trình phục vụ quản lý vận hành

- Khu nhà quản lý và Nhà điều hành công trình đầu mối:

+ Khuôn viên 2.246 m², diện tích xây dựng 106,52 m²; nhà 02 tầng cấp III; sân nền, cây xanh, tường rào, cổng ,...

+ Xây dựng và sửa chữa nhà điều hành thi công phục vụ cho công tác QLVH: nhà 01 tầng, diện tích xây dựng 292,5 m². Công tác sửa chữa gồm: gia cố bê tông nền sân, xây mới nhà để xe; bố trí tiểu cảnh, bồn hoa, giải phân cách;

+ Nhà để máy phát điện dự phòng: Diện tích 14,7 m², nhà cấp IV, 01 tầng.

+ Điện: Đường dây hạ thế 0,4Kv dài 100 m từ trạm biến áp về nhà quản lý;

- + Cấp nước bằng máy bơm công suất 1,5HP, đường ống dẫn nước D40mm.
- Bổ sung hạng mục công việc tôn tạo cảnh quan khu đầu mối gồm:
 - + Biểu tượng công trình, bảng nội quy, cổng barie, biển chỉ dẫn, đường giao thông nội bộ, hàng rào công trình,...
 - + Bố trí trồng cây xanh kết hợp tiểu cảnh tại các khu vực: vai phải đập chính khoảng 1.800 m², đường quản lý số 01 khoảng 800 m²; đập phụ khoảng 1 ha và ven các đường quản lý, đường đi vào nhà điều hành. Hệ thống cấp nước tưới và chiếu sáng đồng bộ;
 - + Vai trái đập chính: Đường giao thông nội bộ, điểm quan sát khu vực lòng hồ, cây xanh cảnh quan, giàn hoa giấy, điện chiếu sáng, hệ thống tưới nước.

(Chi tiết thông số kỹ thuật điều chỉnh tại phụ lục I kèm theo)

3. Khoản 13 Điều 1 Quyết định số 3899/QĐ-BNN-XD (Khối lượng xây dựng chính)

| TT | Hạng mục | Đơn vị | Khối lượng |
|-----------|----------------------|----------------|-------------------|
| 1 | Đào đất, đá các loại | m ³ | 1.557.504 |
| 2 | Đất đắp các loại | m ³ | 475.613 |
| 3 | Đá xây các loại | m ³ | 18 |
| 4 | Bê tông các loại | m ³ | 453.711 |

4. Khoản 14, khoản 15 Điều 1 Quyết định số 3899/QĐ-BNN-XD (Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn) và khoản 2 Điều 1 Quyết định số 2137/QĐ-BNN-XD:

a) Tổng mức đầu tư xây dựng (công trình thuỷ lợi) có giá trị: **2.042.804.481.000** đồng (*Bằng chữ: Hai nghìn không trăm bốn mươi hai tỷ, tám trăm linh tư triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn đồng*), trong đó:

| | | | |
|----------|--|--------------------------|-------------|
| A | Hợp phần Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: | 731.561.058.000 | đồng |
| B | Hợp phần Xây dựng công trình: | 1.311.243.423.000 | đồng |
| 1 | Chi phí xây dựng: | 1.033.635.738.000 | đồng |
| 2 | Chi phí thiết bị: | 145.057.218.000 | đồng |
| 3 | Chi phí quản lý dự án: | 12.265.702.000 | đồng |
| 4 | Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 72.178.861.000 | đồng |
| 5 | Chi phí khác: | 48.105.904.000 | đồng |

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

Giá trị tổng mức đầu tư điều chỉnh được xác định trên cơ sở các quyết định của UBND tỉnh Bình Định: số 2810/QĐ-UBND ngày 29/7/2023 về phê duyệt quyết toán tổng dự án hoàn thành; số 3165/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành; Quyết định số 2939/QĐ-BNN-TC ngày 02/8/2022 của Bộ NN&PTNT phê duyệt quyết toán vốn đầu tư; cập nhật chi phí các hạng mục công việc theo đề nghị của Ban Quản lý đầu tư và XD TL 7 trên

cơ sở giá trị hợp đồng, quyết toán hợp đồng và quyết định phê duyệt dự toán do Chủ đầu tư đã phê duyệt, thực hiện theo thẩm quyền. Các Chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật và Bộ trưởng về sự phù hợp, tính pháp lý và sự chính xác của các số liệu trên.

Kinh phí để thực hiện những hạng mục công việc có tính chất chung do kết hợp xây dựng nhà máy thủy điện thuộc cụm công trình đầu mối với giá trị 35.867.281.000 đồng (theo Quyết định số 601/QĐ-BQL ngày 15/10/2024 của Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 7). Nhà đầu tư dự án thủy điện có trách nhiệm hoàn trả lại NSNN phần kinh phí này trên cơ sở giá trị được Chủ đầu tư rà soát, tính toán quy đổi về thời điểm thu nộp.

b) Nguồn vốn đầu tư :

- Vốn NSTW bố trí để chuẩn bị đầu tư: 7.303.000.000 đồng.

- Vốn NSTW (TPCP) do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý: 1.886.316.068.000 đồng (trong đó giai đoạn 2017-2020: 1.795.000.000.000 đồng; giai đoạn 2021-2025: 91.316.068.000 đồng), để xây dựng công trình đầu mối, công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, một phần hạng mục Hoàn trả tuyến đường từ nghĩa trang liệt sĩ An Hòa đến công trình Hồ chứa nước Đồng Mít và các chi phí khác có liên quan.

- Vốn NSĐP: 149.185.413.000 đồng, để thực hiện một phần công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, một phần hạng mục Hoàn trả tuyến đường từ nghĩa trang liệt sĩ An Hòa đến công trình Hồ chứa nước Đồng Mít và một số chi khác có liên quan.

4.4. Bổ sung Phân giao nhiệm vụ

- Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 7, Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định có trách nhiệm: (i) tiếp tục rà soát sự phù hợp, đầy đủ về thành phần, khối lượng, chế độ, định mức, đơn giá và tính toán quy đổi giá trị phần kinh phí nhà đầu tư dự án thủy điện phải hoàn trả lại NSNN đối với những khối lượng công việc có tính chất chung đã được đầu tư về thời điểm thu nộp; (ii) đôn đốc nhà đầu tư dự án thủy điện tạm nộp phần kinh phí hoàn trả trên vào tài khoản tạm giữ của chủ đầu tư, đồng thời báo cáo Bộ hướng dẫn việc xử lý phần kinh phí mà nhà đầu tư thủy điện nộp theo quy định.

- Vụ Tài chính: Chủ trì nghiên cứu, rà soát các quy định và tham mưu cho Bộ hướng dẫn các Chủ đầu tư về thủ tục xử lý đối với phần kinh phí do nhà đầu tư dự án thủy điện phải nộp nêu trên theo quy định.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại các Quyết định số 3899/QĐ-BNN-XD ngày 29/9/2017, số 3913/QĐ-BNN-XD ngày 08/10/2018, số 3775/QĐ-BNN-XD ngày 01/10/2019 và số 2137/QĐ-BNN-XD ngày 18/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán các hạng mục thuộc Dự án Hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định. Các nội dung khác không thay đổi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định; Giám đốc các đơn vị: Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7, Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định; Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Thủy điện Đồng Mít và Thủ trưởng các đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT; TC;
- Kho bạc NN TW;
- Lưu: VT, XD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp